

Bản án số: 91/2017/HSPT

Ngày: 29/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Ông Phạm Văn Tuyền

Ông Nguyễn Mạnh Cường

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Vững- Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 118/HSPT ngày 16/8/2017, do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, đối với bị cáo:

Bùi Thị T, sinh năm 1991, trú tại: Thôn L, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: công nhân; Con ông Bùi Phú L và bà Phạm Thị T; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1996 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967 (là mẹ anh K), trú tại: thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà H: Ông Lưu Thiệu Đ - luật sư của công ty Luật A thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Những người đại diện theo ủy quyền của bà H:

- Luật sư Lưu Thiệu Đ.

- Ông Phạm Thế N, sinh năm 1952 (Em trai bà H - có mặt).

Trú tại : Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Quang Đ, sinh năm 1989; trú tại: Thôn G, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

Đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo: Bà Phạm Thị H.

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T vụ án có nội dung:

Bùi Thị T có giấy phép lái xe hạng A1 do Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/11/2009. Sáng 15/12/2016, T điều khiển xe mô tô biển số 34B2-826.55 đi từ nhà đến công ty may Richway tại xã K, huyện T để làm việc. Khoảng 6 giờ 50 phút, T đi từ thôn G, xã V đến đường 391 và rẽ trái vào đường 391 nhưng không điều khiển xe sang làn đường bên phải để đi mà điều khiển xe đi ngược chiều ở phần đường bên trái theo hướng Quý Cao đi thành phố Hải Dương. T điều khiển xe đi bên trái đường được khoảng 50-60 mét, đến km 20 + 243,9 thuộc địa phận xã V, huyện T thì bất xi nhan phải điều khiển xe mô tô của mình chuyển hướng sang bên phải đường. Khi xe mô tô của T đi sang chưa hết phần đường bên trái thì mặt nạ đầu xe mô tô do T điều khiển (phản sát với đèn xe phía trước) va chạm với phần cao su tay nắm ghi đông bên trái xe mô tô biển số 99K1-140.51 do anh Nguyễn Văn K điều khiển đi ngược chiều. Sau va chạm, anh K cùng xe mô tô đổ trượt trên mặt đường và va vào cột tiêu bên phải đường của anh K (hướng Hải Dương đi Quý Cao). Cùng lúc đó, anh Phạm Quang Đ cũng điều khiển xe mô tô biển số 34B1-330.95 đi bên trái đường hướng Quý Cao đi thành phố Hải Dương (anh Đ đi phía sau Bùi Thị T), thấy anh K ngã và xe mô tô đổ, trượt về phía mình, anh Đ đã nhảy ra khỏi xe mô tô của mình, làm xe đổ trượt trên đường và dừng lại ở mép đường bên trái hướng Quý Cao đi thành phố Hải Dương, bị xe mô tô của anh K trượt đè lên phía trên. Anh K chết tại hiện trường, anh Đ bị thương nhẹ, Bùi Thị T bị sây sát ở chân, xe mô tô của T, của anh K và anh Đ bị hư hỏng nhẹ.

Hiện trường xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng, trải nhựa bằng phẳng, rộng 760cm, giữa có vạch sơn trắng đứt quãng rộng 10cm, chia đường thành 2 chiều xe chạy. Chiều khám nghiệm theo hướng thành phố Hải Dương đi Quý Cao. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: vị trí đầu tiên xe mô tô biển số 99K1-140.51 đổ là vết bập (dấu vết 1) trên hiện trường, có kích thước (0,3x0,3) cm, cách mép đường phải theo hướng thành phố Hải Dương đi Quý Cao là 44cm, chiều hướng vết từ trên xuống dưới. Sau đó, xe mô tô biển số 99K1-140.51 tiếp tục đổ trượt trên mặt đường, tạo các dấu vết 2, 3, 4 trên hiện trường, sau đó va vào cột tiêu ven đường phải, tạo dấu vết 8 tại hiện trường. Xe mô tô biển số 34B1-330.95 đổ trượt rê trên đường, tạo vết cày (dấu vết 7) kích thước (330x1x0,1) cm, chiều hướng vết theo hướng Quý Cao - thành phố Hải Dương, đầu và cuối vết cách mép đường phải (theo chiều khám nghiệm) lần lượt là 50cm và 60cm, sau đó trượt xuống mép phải (theo chiều khám nghiệm) tạo

dấu vết 6 tại hiện trường. Sau khi xe mô tô biển số 99K1-140.51 va vào cột tiêu đã đổ đè lên xe mô tô 34B1-330.95.

Kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông xác định: xe mô tô biển số 34B2-826.55 do T điều khiển sau va chạm không bị đổ. Phần nhựa mặt nạ đầu xe mô tô in hợp chất màu đen, chiều hướng vết từ trước lại sau, từ phải qua trái kích thước (4x0,5) cm. Tại ốp nhựa mặt nạ bên trái đầu xe bị vỡ mất nhựa, kích thước (14x3) cm. Xe mô tô biển số 34B1-330.95 xác định chỉ có dấu vết do đổ trượt trên đường.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 102/KLGD ngày 22/12/2016, phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Anh Nguyễn Văn K chết do đứt quai động mạch chủ, bầm dập phổi do chấn thương ngực, gãy kín xương ức. Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương cũng giải thích kết luận giám định như sau: Tổn thương của anh K (chấn thương ngực, gãy kín xương ức, đứt quai động mạch chủ, bầm dập phổi) có đặc điểm do bị tác động với lực rất mạnh, vật tác động là vật rất cứng. Tổn thương trên do anh K bị ngã va đập ngực trực tiếp vào cột mốc bê tông cạnh đường là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi gây tai nạn, bị cáo Bùi Thị T đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 35.000.000 đồng. Anh Phạm Quang Đ cũng tự nguyện hỗ trợ gia đình người bị hại số tiền 35.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của người bị hại đã nhận tiền, không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Toà án nhân dân huyện T đã áp dụng khoản 1 Điều 202, các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2017 bà Nguyễn Thị H là người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn kháng cáo với nội dung: Xác định nguyên nhân dẫn đến anh K tử vong là do xe của anh K đâm vào xe của anh Phạm Quang Đ. Tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm xác định anh Đ đi trái đường nhưng không có lỗi trong việc gây ra cái chết cho anh K là không đúng, bỏ lọt tội phạm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng có cơ sở xác định nguyên nhân dẫn đến hậu quả anh K chết là do sau khi va chạm với xe của bị cáo T thì xe của anh K trượt đổ rên vào cột tiêu nằm ven đường. Thể hiện theo bản khám nghiệm tử thi cho thấy ngực của anh K có dính

cỏ và đất, phù hợp với cột tiêu bị gãy nằm trên đường phần chân cột bám đất cũ. Căn cứ vào sơ đồ hiện trường cho thấy trước khi có việc xe của K đâm đè lên xe của Đ thì xe của K và Đ đã bị đổ rê trên đường, sau đó 2 xe mới va chạm và nằm chồng lên nhau. Do vậy không có cơ sở xác định nguyên nhân anh K chết là do xe của anh K đã đâm trực diện vào xe của Đ. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H có quan điểm: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy trong quá trình điều tra cơ quan Điều tra đã không khách quan, cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án. Cụ thể, không lấy lời khai của ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn T là những người chứng kiến sự việc xảy ra, không thu thập cột mốc là vật chứng của vụ án. Tuy nhiên kết luận điều tra cũng như cáo trạng và bản án sơ thẩm kết luận anh K chết là do sau khi va chạm với bị cáo T thì xe của K bị đổ rê trên mặt đường, sau đó đâm vào cột mốc, dẫn đến hậu quả là anh K chết là không đúng. Đề nghị các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử xác minh thu thập các chứng cứ để vụ án được xét xử một cách khách quan.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo Bùi Thị T đều khai nhận khoảng 06 giờ 50 phút ngày 15/12/2016, tại km 20 + 243,9 đường 391 thuộc xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương, Bùi Thị T điều khiển xe mô tô biển số 34B2-826.55 đi hướng Quý Cao - thành phố Hải Dương đi sai phần đường quy định (đi trái đường) nên đã va chạm với xe mô tô biển số 99K1-140.51 do anh Nguyễn Văn K điều khiển ngược chiều. Hậu quả, xe máy do anh K điều khiển bị đổ, anh K ngã trượt trên đường và chết tại hiện trường. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét nội dung kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này khi tham gia giao thông cùng với T còn có anh Phạm Quang Đ là người đi sau T và cũng đi ngược chiều với người bị hại. Theo bà H và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà H thì sau khi va chạm với xe của bị cáo T, xe của anh K tiếp tục va chạm với xe của anh Đ dẫn đến hậu quả anh K bị chết tại hiện trường. Tuy nhiên trên thực tế không có ai chứng kiến việc va chạm giữa anh Đ và anh K. Những người làm chứng là chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc A là những người tham gia giao thông ngay sau bị cáo T đều khai nhận có việc anh K đi

ngược chiều với bị cáo T và đi với tốc độ cao. Sau đó khi họ rẽ sang đường thì có nghe thấy tiếng va chạm, khi quay lại thì đã thấy 2 chiếc xe máy đã đổ đè lên nhau. Chị T và anh A đều không chứng kiến việc va chạm. Căn cứ vào sơ đồ hiện trường vụ tai nạn và tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 15/12/2016 của Cơ quan điều tra Công an huyện T thể hiện: Vị trí anh K nằm chết tại hiện trường là phía bên phải đường cùng phía với cột tiêu bị gãy đổ. Tại lề đường bên phải cách đầu dấu vết 3 về phía Quý Cao 396 cm là vị trí hố đất không của chân cột tiêu là vị trí đầu của vết trượt cỏ đất kích thước vết (100 x 20) cm. Đầu vết cách mép đường phải 77 cm, cuối vết cách mép đường phải 77 cm, vết có chiều hướng Hải Dương - Quý Cao (Hướng mà anh K tham gia giao thông). Cuối vết là cột tiêu bị gãy, vết gãy đã cũ, chân cột bám nhiều đất. Tại kết luận giám định pháp y và công văn giải thích của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương cũng xác định nguyên nhân dẫn đến anh K chết là do đứt quai động mạch chủ, bầm dập phổi do chấn thương ngực, gãy kín xương ức, tổn thương nêu trên do anh K bị ngã và đập ngực trực tiếp vào cột mốc bê tông cạnh đường là phù hợp. Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường cho thấy tại lề đường phải cách đầu dấu vết 3 về phía Quý Cao 26cm là vị trí hố đất không của chân cột tiêu, cuối vết là cột tiêu bị gãy đã cũ, chân cột bám nhiều đất. Điều này phù hợp với kết luận giám định pháp y và biên bản giám định tử thi.

Theo luật sư thì xe của anh K trực tiếp đâm vào xe của anh Đ dẫn đến hậu quả anh K chết. Tuy nhiên căn cứ vào các dấu vết trong sơ đồ hiện trường cho thấy, trước khi xe của anh K và anh Đ va chạm vào nhau thì hai xe đã bị đổ rê trên đường, sau đó xe của anh K mới va chạm và nằm đè lên xe của anh Đ. Bên cạnh đó theo bản ảnh chụp tại hiện trường thì vị trí anh K chết gần với cột mốc đã bị đổ nằm trên đường, nên có cơ sở xác định nguyên nhân dẫn đến việc anh K tử vong là do sau khi va chạm với xe của bị cáo T xe của anh K đã bị đổ rê trên đường, sau đó anh K đã bị va đập trực tiếp vào cột tiêu bị gãy đổ bên đường trước khi xe của anh K va vào xe của anh Đ. Kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông cũng cho thấy xe mô tô của anh Đ sau khi va chạm chỉ bị xây xước nhẹ (BL 23). Vậy giả sử anh K chết do xe của anh K đâm trực diện vào xe của anh Đ thì xe của anh Đ không thể chỉ xây sát nhẹ như kết quả khám nghiệm ở trên.

Tại cấp phúc thẩm luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà H có cung cấp 2 đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn H với nội dung: Ông T xác định khi tai nạn xảy ra ông T đứng cách vị trí xảy ra va chạm 1 khoảng cách từ 400- 500m, và ông T có nhìn thấy 2 xe máy chòng lên nhau, đồng thời nhìn thấy ông H có mặt ở đó. Theo ông H xác định ông nhìn thấy anh K sau khi va chạm với xe của bị cáo T đã đâm vào xe máy khác và hai xe máy chòng lên nhau. Hội đồng xét xử thấy ông T không phải là người chứng kiến việc va chạm

xảy ra mà chỉ chứng kiến việc ông H có mặt tại hiện trường ở thời điểm xảy ra va chạm. Đối với ông H xác định nhìn thấy hai xe máy đâm nhau, tuy nhiên trong suốt quá trình điều tra ông T cũng không khai báo với cơ quan điều tra về việc đã nhìn thấy ông H có mặt tại hiện trường tại thời điểm xảy ra va chạm, còn ông H cũng không khai báo với cơ quan điều tra về việc mình là người trực tiếp chứng kiến sự việc xảy ra. Thực tế cho thấy ngoài lời khai của ông H và ông T thì không có người làm chứng nào xác định tại thời điểm xảy ra va chạm ông H là người có mặt tại hiện trường. Tại cấp phúc thẩm ông H và ông T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa để làm rõ các nội dung trên, nhưng cả 2 ông đều vắng mặt. Do vậy không có căn cứ xác định sự việc xảy ra như mô tả theo đơn trình bày của ông H và ông T.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 202, các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thị T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”;

Giao bị cáo Bùi Thị T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại bị cáo Bùi Thị T 01 xe mô tô Lead, biển số 34B2-826.55; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021059 mang tên Bùi Thị T; 01 giấy phép lái xe số AM 283826 cấp ngày 26/11/2009 mang tên Bùi Thị T (*chứng nhận đăng ký xe mô tô và giấy phép lái xe mô tô, xe máy mang tên Bùi Thị T đang lưu tại hồ sơ; đặc điểm vật chứng khác theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/5/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị định quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Thị T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Luật sư Đ;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền